

HƯỚNG DẪN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO THÔNG TƯ 12/2017/TT-BGDĐT TIÊU CHUẨN 23: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Giải thích:

Các kết quả nghiên cứu khoa học của cơ sở giáo dục, của các khoa, các trung tâm nghiên cứu cũng như của các cán bộ giảng viên và sinh viên đại học và sau đại học cần được xác lập, theo dõi và đối sánh để cải tiến.

Các kết quả nghiên cứu phải được phân loại theo các khoa, các trung tâm nghiên cứu, cán bộ giảng viên và sinh viên.

Tiêu chí	23.1	23.2	23.3	23.4	23.5	23.6
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.
Mô tả yêu cầu của tiêu chí theo công văn 1668 (2)	1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được xác lập. 2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được giám sát. 3. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được đối sánh để cải tiến.	1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được xác lập. 2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được giám sát. 3. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được đối sánh để cải tiến.	1. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập. 2. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được giám sát. 3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được đối sánh để cải tiến.	1. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác định. 2. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được giám sát. 3. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được đối sánh để cải tiến.	1. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác định. 2. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được giám sát. 3. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được đối sánh để cải tiến.	1. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác định. 2. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được giám sát. 3. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được đối sánh để cải tiến.
Mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4 theo công văn 1668 (3)	1. Có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu phải thực hiện (ví dụ số lượng công trình NCKH, bài báo, tham dự hội thảo... theo định mức ứng với mỗi vị trí công việc khác nhau) theo quy định hiện hành (tham khảo thêm TC 18.3). 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu (các quy định hướng dẫn, hướng đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, ...). 3. Có CSDL được cập nhật về loại	1. Có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà NH thực hiện. 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của NH (các quy định hướng dẫn, hướng đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, ...). 3. Có CSDL được cập nhật về các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của NH. 4. Thực hiện việc đối sánh về loại	1. Có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn cho từng năm và theo giai đoạn. 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát, có CSDL được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF. 3. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. 4. Thực hiện việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. 5. Có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.	1. CSGD có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, trong đó có quy định về việc sở hữu trí tuệ. 2. Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ (các quy định hướng dẫn, nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ các tài sản trí tuệ; tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, ...). 3. Thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hàng năm; có	1. CSGD có văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Tổng chi cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành. 2. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp). 3. Có các đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp). 4. Thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp); thực hiện	

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	23.1	23.2	23.3	23.4	23.5	23.6
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.
	hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV và cán bộ nghiên cứu. 3. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu. 4. Có thực hiện việc đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu được đối sánh (đối sánh trong nước, quốc tế, đối sánh theo lĩnh vực). 5. Có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu.	hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của NH được đối sánh (đối sánh trong nước, quốc tế, đối sánh theo lĩnh vực). 5. Có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của NH.		kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của CSGD. 4. Thực hiện việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. 5. Có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn.	hàng năm. Có kế hoạch nâng cao mức đầu tư cho từng loại hoạt động nghiên cứu.	rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo.
Gợi ý nguồn minh chứng theo công văn 1668 (4)	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phát triển KHCCN của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - Văn bản quy định về hoạt động NCKH (trong đó có quy định về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu) của GV, nghiên cứu viên*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - CSDL về hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên*. - Bản đối sánh về loại hình và 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phát triển KHCCN của CSGD, trong đó có xác định các chỉ số về loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH*. - Văn bản quy định về hoạt động NCKH (trong đó có quy định về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu) của NH*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của NH*. - CSDL về hoạt động nghiên cứu của NH*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu NH*. - Bản đối sánh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH. - Các quyết định, kết luận, các đầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phát triển KHCCN của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn*. - Văn bản quy định về hoạt động NCKH (trong đó có quy định về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn, chỉ số IF)*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - CSDL về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn*. - Bản đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản quy định về hoạt động NCKH (trong đó có quy định về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ)*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của CSGD*. - Bản đối sánh về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, chiến lược phát triển KHCCN và tài chính của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. - Văn bản quy định về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của CSGD*. - Báo cáo tài chính (trong đó có báo cáo về tài chính cho hoạt động nghiên cứu) từng năm của CSGD*. - CSDL về hoạt động của các quỹ nghiên cứu của CSGD*. - Hệ thống giám sát về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu*. - Bản đối sánh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về mức độ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, chiến lược phát triển KHCCN của CSGD, trong đó có xác lập các chỉ số về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)*. - Văn bản quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)*. - Văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp)*.

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	23.1	23.2	23.3	23.4	23.5	23.6
<p>Tiêu chí (theo TT12) (1)</p>	<p>TC 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>
	<p>khối lượng nghiên cứu của GV và cán bộ nghiên cứu*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động KHCN dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu*. - Các báo cáo kết quả nghiên cứu*. - Văn bản đăng ký bằng sáng chế, nhãn hiệu bản quyền, các ấn phẩm, các trích dẫn, các hợp đồng chuyển giao và thương mại hóa; bảng tổng hợp thu chi tài chính trong hoạt động NCKH hằng năm.</p>	<p>tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động KHCN dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH của NH. - Các báo cáo kết quả nghiên cứu*. - Văn bản đăng ký bằng sáng chế, nhãn hiệu bản quyền, các ấn phẩm, các trích dẫn, các hợp đồng chuyển giao và thương mại hóa; bảng tổng hợp thu chi tài chính trong hoạt động NCKH hằng năm.</p>	<p>bao gồm các trích dẫn*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động KHCN dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của các công trình công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn. - Các báo cáo kết quả nghiên cứu*. - Văn bản đăng ký bằng sáng chế, nhãn hiệu bản quyền, các ấn phẩm, các trích dẫn, các hợp đồng chuyển giao và thương mại hóa; bảng tổng hợp thu chi tài chính trong hoạt động NCKH hằng năm.</p>		<p>phù hợp của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu*. - CSDL (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) đánh giá về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu*. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. - Các quyết định, kết luận, việc đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng thông qua hoạt động nghiên cứu*.</p>	<p>- CSDL về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) của CSGD. - Báo cáo về các giai đoạn thử nghiệm, chuyển giao và thương mại hóa. - Hệ thống giám sát về kết quả nghiên cứu và sáng tạo. - Các biên bản họp rà soát, điều chỉnh; các quyết định điều chỉnh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp). - Các quyết định, kết luận, các đầu tư của CSGD thể hiện sự cải tiến chất lượng hoạt động KHCN căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp). - Bản đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp).</p>
<p>Văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GDĐT, đơn vị chủ quản và văn bản của nhà trường mà chuyên gia cần tham chiếu (5)</p>	<p>- Các Bộ: Thông tư 22/2011/TT-BGDĐT Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các CS GDĐH; Thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 quy định về hoạt động NCKH của SV trong CS GDĐH; Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT Quy định chế độ làm việc của GV CS GDĐH - Nhà trường: Hướng dẫn/quy định/quy chế về quản lý hoạt động NCKH của Trường; Các quy định/hướng dẫn về tổ chức hội thảo; Quy chế chi tiêu nội bộ;</p>	<p>- Các Bộ: Thông tư 22/2011/TT-BGDĐT Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các CS GDĐH; Thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 quy định về hoạt động NCKH của SV trong CS GDĐH; Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT Quy định chế độ làm việc của GV CS GDĐH - Nhà trường: Hướng dẫn/quy định/quy chế về quản lý hoạt động NCKH của Trường; Các quy định/hướng dẫn về tổ chức hội thảo; Quy chế chi tiêu nội bộ; Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH</p>	<p>- Các Bộ: Thông tư 22/2011/TT-BGDĐT Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các CS GDĐH; Thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 quy định về hoạt động NCKH của SV trong CS GDĐH; Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT Quy định chế độ làm việc của GV CS GDĐH; Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT - Nhà trường: Hướng dẫn/quy định/quy chế về quản lý hoạt động NCKH của Trường; Các quy định/hướng dẫn về tổ chức hội thảo; Quy chế chi tiêu nội bộ;</p>	<p>- CP: Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2008 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ - Các Bộ: QĐ 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008</p>	<p>Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ Quy chế tài chính của Nhà trường Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường Quy định về quản lý hoạt động KHCN</p>	<p>Thông tư 22/2011/TT-BGDĐT Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học. Nhà trường: Hướng dẫn/quy định/quy chế về quản lý hoạt động NCKH của Trường; Các quy định/hướng dẫn về tổ chức hội thảo; Quy chế chi tiêu nội bộ; Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH của giảng viên...; quy định</p>

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	23.1	23.2	23.3	23.4	23.5	23.6
<p>Tiêu chí (theo TT12) (1)</p>	<p>TC 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>
	<p>Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH của giảng viên...; quy định về việc lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động NCKH</p>	<p>của giảng viên...; quy định về việc lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động NCKH; Quy chế đào tạo của Trường</p>	<p>Hướng dẫn nhiệm vụ và giờ NCKH của giảng viên...; quy định về việc lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động NCKH</p>	<p>Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong CSGDDH; CV 4059/BGDĐT-KHCNMT ngày 6/9/2018 Hướng dẫn triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ trong các CSGDDH; Thông tư 18/2012/TT-BKHCN ngày 02/12/2010 Hướng dẫn tiêu chí và quy trình xác định công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, Danh mục công nghệ cấm chuyển giao - Nhà trường: Văn bản hướng dẫn, quy định của Nhà trường về sở hữu trí tuệ như quy định/quy chế quản trị tài sản trí tuệ, Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ, định/hướng dẫn về phòng chống đạo văn, cách trích dẫn trong NCKH, quy định về việc biên soạn, thẩm định, xuất bản tài liệu giảng dạy v.v...Quy định của Nhà trường về quản lý hoạt động KHCN</p>		<p>về việc lấy ý kiến phản hồi về chất lượng hoạt động NCKH</p>
<p>Thông tin hỗ trợ đánh giá (từ dữ liệu Báo cáo Tự đánh giá và các Bảng biểu do Nhà trường và Trung tâm KĐCLGD cung cấp) (6)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Loại hình nghiên cứu đặc thù/truyền thống/phổ biến của Nhà trường - Số liệu về các định mức nghiên cứu được quy định trong văn bản quản lý của Nhà trường đối với giảng viên/CBNC - Các lần điều chỉnh định mức về nghiên cứu - Số liệu thống kê về kết quả định mức nghiên cứu (số đề tài các cấp, số công bố trong/ngoài nước, số trích dẫn, số hội thảo) 	<ul style="list-style-type: none"> - Số liệu cụ thể về định mức nghiên cứu được quy định trong văn bản quản lý của Nhà trường đối với người học - Dữ liệu được sử dụng để đối sánh; kết quả đối sánh - Kết quả (tỷ lệ hài lòng, hoặc ý kiến góp ý chính) của các bên liên quan về về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp các loại hình nghiên cứu, số bài báo khoa học các loại (trong nước, quốc tế, ISI/Scopus), số trích dẫn theo từng năm trong giai đoạn đánh giá - Dữ liệu được sử dụng để đối sánh; kết quả đối sánh 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của Nhà trường trong giai đoạn đánh giá - Bộ phận đầu mối và các bộ phận tham gia vào theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ - Chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của Nhà trường - Dữ liệu được sử dụng để đối sánh; kết quả đối sánh 	<ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu về thu/chi cho KHCN/tổng nguồn thu - Dữ liệu đối sánh thu/chi cho hoạt động KHCN; kết quả đối sánh 	<p>Dữ liệu đối sánh và kết quả đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo: Tổng số bài báo (trong nước, quốc tế); số patent, phát minh/sáng chế, bản quyền, sản phẩm chuyển giao...</p>

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	23.1	23.2	23.3	23.4	23.5	23.6
<p>Tiêu chí (theo TT12) (1)</p>	<p>TC 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>	<p>TC 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.</p>
	<p>- Dữ liệu được sử dụng để đối sánh; kết quả đối sánh - Kết quả (tỷ lệ hài lòng, hoặc ý kiến góp ý chính) của các bên liên quan về về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu</p>					
<p>Rubric Indicators Các câu hỏi chẩn đoán ứng với mô tả tiêu chí (thiết kế theo P-D-C-A) (7)</p>	<p>1. Có quy định cụ thể về định mức các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng NCKH đối với GV/NCV, như: + Số đề tài/dự án nghiên cứu + Số bài báo + Số hội nghị khoa học tham gian 2. Các quy định trên có theo đúng quy định hiện hành không? Được xây dựng năm nào? Cập nhật bao nhiêu lần? 3. Có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu 4. Nhà trường có CSDL được cập nhật về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV và cán bộ nghiên cứu không? 5. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu không? Nếu có, Nhà trường thực hiện từ khi nào? Kết quả chung là gì? 6. Nhà trường có thực hiện việc đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu không? Chuẩn đối sánh được sử dụng là gì (trong nước, quốc tế...)? Kết quả đối sánh như thế nào?</p>	<p>1. Có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH đối với người học Văn bản quy định được xây dựng từ khi nào, đã điều chỉnh bao nhiêu lần? 2. Hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, các hoạt động NCKH của NH được thể hiện như thế nào? Bộ phận nào tham gia, các công cụ nào được sử dụng? 3. Nhà trường có CSDL được cập nhật về các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của NH không? 4. Nhà trường có thực hiện thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của NH không? 5. Nhà trường có thực hiện việc đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của NH không? Kết quả đối sánh như thế nào? 6. Nhà trường có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của NH không?</p>	<p>1. Nhà trường có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, các trích dẫn cho từng năm và theo giai đoạn không? Thể hiện trong văn bản nào? 2. Hệ thống theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học, các trích dẫn của Nhà trường được thực hiện như thế nào? (bộ phận đầu mối, quy trình/công cụ thực hiện) 3. Nhà trường có CSDL được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF không? 4. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn không? 5. Nhà trường có thực hiện việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn không? 6. Nhà trường có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn không?</p>	<p>1. Nhà trường có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, trong đó có quy định về việc sở hữu trí tuệ. 2. Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ không? 3. Nhà trường có CSDL được cập nhật về tài sản trí tuệ không? 4. Nhà trường có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ không? 5. Nhà trường có thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hàng năm không? 6. Nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động dựa trên căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ không? 7. Nhà trường có thực hiện việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học và trích dẫn không? 8. Nhà trường có xây dựng kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng</p>	<p>1. Cách thức xác định ngân sách cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác định như thế nào? 2. Cách thức giám sát ngân sách cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác định như thế nào? 3. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu có được đối sánh để cải tiến không? Kết quả đối sánh như thế nào?</p>	<p>1. Quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) trong hoạt động KHCN thể hiện ở những văn bản nào? 2. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo không? 3. Nhà trường có các đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm cứu và sáng tạo không? 4. Nhà trường có thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp); 5. Nhà trường có thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu, sáng tạo không? 6. Nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ vào thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo không?</p>

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	23.1	23.2	23.3	23.4	23.5	23.6
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.
	7. Nhà trường có kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu không?			của các loại hình và số lượng các công bố khoa học và trích dẫn không?		
Evidences Tên các minh chứng ứng với phần trả lời câu hỏi chẩn đoán <i>(liệt kê tên, và nên có file MC kèm theo)</i> (8)	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn về tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV Kế hoạch nhiệm vụ năm của Nhà trường; của Khoa/bộ môn và của cá nhân GV/CBNC, trong đó có kế hoạch để hoàn thành định mức KHCN; kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng NCKH; kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động NCKH Các báo cáo tổng kết năm học 	<ul style="list-style-type: none"> Quy định/Hướng dẫn về tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học Kế hoạch nhiệm vụ năm của Nhà trường; của Khoa/bộ môn, trong đó có kế hoạch về hoạt động nghiên cứu của người học; kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng NCKH; kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của người học Các báo cáo tổng kết năm học 	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn/Quy định về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, các trích dẫn Quy định về chức năng, nhiệm vụ của bộ phận thực hiện theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các công bố khoa học, các trích dẫn Các báo cáo tổng kết năm học 	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn/quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ, trong đó có quy định về việc sở hữu trí tuệ. Quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường, trong đó có quy định về bộ phận đầu mối và nhiệm vụ theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ không Phản mềm/hạ tầng lưu trữ CCSDL được cập nhật về tài sản trí tuệ. Kết quả đối sánh loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ 	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn về xây dựng dự toán của Nhà trường Báo cáo quyết toán hàng năm 	<ul style="list-style-type: none"> Văn bản quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo Kế hoạch nhiệm vụ năm của Nhà trường; của Khoa/bộ môn, trong đó có kế hoạch về kết quả nghiên cứu và sáng tạo Báo cáo kết quả phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo
Interview Phỏng vấn các bên liên quan (Check các thông tin phục vụ trả lời cho câu hỏi chẩn đoán) (9)	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về định mức nghiên cứu phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường Giảng viên về mức độ hài lòng với các định mức, chất lượng nghiên cứu; khó khăn, thuận lợi trong thực hiện các định mức nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học Giảng viên về các định mức, chất lượng nghiên cứu của người học Sinh viên về mức độ hài lòng với các định mức, chất lượng nghiên cứu; khó khăn, thuận lợi trong thực hiện các định mức nghiên cứu 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về việc quy định các loại hình và số lượng các công bố khoa học, các trích dẫn Giảng viên về số lượng các công bố khoa học và trích dẫn 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về quản lý tài sản trí tuệ Lãnh đạo quản lý bộ phận chức năng (Phòng/Ban) đầu mối về giám sát, đối sánh tài sản trí tuệ của Nhà trường Giảng viên về số lượng các công bố khoa học và trích dẫn 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về các nguồn thu cho KHCN; định hướng/quan điểm phân bổ kinh phí cho KHCN Giảng viên về kinh phí cho KHCN 	<ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) Giảng viên về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo
Quan sát (Check các thông tin phục vụ trả lời cho câu hỏi chẩn đoán) (10)	<ul style="list-style-type: none"> Sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường để so sánh với quy định về các định mức và các loại hình hoạt động nghiên cứu Nhà trường đã quy định đối với GV, CBNC Đối chiếu với Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT về chế độ làm việc của giảng viên Đối chiếu để nhận định về các định 	<ul style="list-style-type: none"> Sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường để so sánh với quy định về các định mức và các loại hình hoạt động nghiên cứu Nhà trường đã quy định đối với người học 			<ul style="list-style-type: none"> Số đề tài nghiên cứu/giảng viên Số liệu về sản phẩm KHCN của Nhà trường để nhận định mức tương quan với nguồn thu/chi cho KHCN 	<ul style="list-style-type: none"> Những cải tiến đã được thực hiện kèm theo kết quả của việc điều chỉnh hoạt động nghiên cứu, sáng tạo và cải tiến chất lượng các hoạt động

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

Tiêu chí	23.1	23.2	23.3	23.4	23.5	23.6
Tiêu chí (theo TT12) (1)	TC 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	TC 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.
	mức và các loại hình hoạt động nghiên cứu Nhà trường đã quy định đối với GV, CBNC					
Tiêu chí liên quan (chuyên gia xem xét các tiêu chí liên quan khác để check thông tin và điểm số) (11)	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 18: 18.3	Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.3, 5.4, Tiêu chuẩn 18:18.4	Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.3, 5.4, Tiêu chuẩn 18: 18.3, 18.4	Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.2, 5.3, 5.4 Tiêu chuẩn 19: 19.1, 19.2, 19.3	Tiêu chuẩn 7: 7.1, 7.2, 7.4, 7.5	Tiêu chuẩn 18: 18.1; 18.2, 18.3, 18.4
Kinh nghiệm trong quá trình ĐGN (12)	Đối chiếu với tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn và chỉ tiêu Chiến lược để đánh giá mức độ phù hợp của loại hình và khối lượng nghiên cứu của Nhà trường	Đối chiếu với tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn và chỉ tiêu Chiến lược để đánh giá mức độ phù hợp của loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học	Đối chiếu với tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn và chỉ tiêu Chiến lược để đánh giá hiệu quả, chất lượng của hoạt động nghiên cứu qua loại hình, số lượng các công bố khoa học, số trích dẫn	Đối chiếu với tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn và chỉ tiêu Chiến lược để đánh giá hiệu quả, chất lượng của hoạt động nghiên cứu qua loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ	Phân tích cơ cấu, tỷ lệ các nguồn thu của Nhà trường để đánh giá đầu tư cho nghiên cứu; hiệu quả hoạt động nghiên cứu	Đối chiếu với tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn và chỉ tiêu Chiến lược để đánh giá hiệu quả nghiên cứu qua các kết quả nghiên cứu và sáng tạo